TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 304/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 29 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 354/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Lê Thị T Sinh năm: 1984.

2. Ông Weston B Sinh năm: 1979.

Cùng địa chỉ: Căn hộ C12B.10 Chung cư Pare Spring, phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người phiên dịch của ông Weston B: Ông Nguyễn Đức Đạt, sinh năm 1975 – Là phiên dịch viên của Công ty TNHH MTV Xúc tiến Thương mại Dịch vụ Vân Anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ông Weston B và bà Lê Thị T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Các đương sự có nơi cư trú tại Quận 2 nên căn cứ điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 2715, Quyển số 10 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/8/2011 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Weston B và bà Lê Thị T là hợp pháp.

Xét thấy các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Weston B và bà Lê Thị T.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Bà T và ông Weston B có 02 con chung tên Weston Sophie Lê, sinh ngày 02/11/2011 và Weston Alfie Lê, sinh ngày 08/12/2014. Ông bà thống nhất giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông Weston B cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Weston B và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 2715, Quyển số 10 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/8/2011).

- Về con chung: Ông Weston B và bà T có 02 con chung tên Weston Sophie L, sinh ngày 02/11/2011 và Weston Alfie L, sinh ngày 08/12/2014. Ông bà thống nhất giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Weston B cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Weston B tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Weston B đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0027932 ngày 18/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông Weston B đã nộp đủ lệ phí. Bà T không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu (VT), hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trúc Chi